TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/**2020/HNGĐ- ST
Ngày 27/3/2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sơn
2. Ông Phạm Văn Vượng

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2019/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25/02/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 12/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Thiếu L, sinh năm 1972 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Hoàng Thiếu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T tìm hiểu rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 31/12/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống tại thôn C, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể kéo dài được. Anh chị ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Trong quá trình mâu thuẫn gia

đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác định giữa anh và chị T có 02 con chung, cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 20/12/1995 và cháu Hoàng Chí H, sinh ngày 30/3/1997. Về nuôi con chung, do các cháu đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: anh xác định anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2020, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh L trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh L và là mẹ chồng của chị T. Anh L, chị T kết hôn năm 1993 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng bà tại thôn C, xã T, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình đã hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh L, chị T đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Quan điểm của gia đình bà do hiện nay anh L, chị T không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án cho anh chị được ly hôn.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Thiếu L, xử cho anh Hoàng Thiếu L được ly hôn với chị Trần Thị T. Về con chung: cháu T, cháu H đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Anh Hoàng Thiếu L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh L và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh L khởi kiện yêu cầu

Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định chị Trần Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Thiếu L, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị T xác định: anh L và chị T kết hôn vào năm 1993. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống cùng mẹ đẻ anh Lương tại thôn C, xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Chính quyền địa phương và gia đình đã tổ chức hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không thành. Anh chị có 02 con chung, cháu Hoàng Thị T, sinh năm 1995 và cháu Hoàng Chí H, sinh năm 1997. Hiện nay cháu T, cháu H đều đã trưởng thành.

Bản thân anh L xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh L là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn: do các cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 20/12/1995 và cháu Hoàng Chí H, sinh ngày 30/3/1997 đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không đề nghị nên không xem xét.

[7] Về án phí: anh L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Thiếu L được ly hôn với chị Trần Thị T.

2. Về án phí: anh Hoàng Thiếu L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003153 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh